TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày 06-3-2023
V/v "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Kiều.

2. Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 27 tháng 02 và ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 474/2022/TLST-DS, ngày 22 tháng 12 năm 2022, về "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Dương Thị R, sinh năm 1960.
Địa chỉ: Tổ 25, khóm 2, phường A, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 17, đường T, khóm 4, phường D, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp và bà Lê Thị Thu T, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ 06, ấp H, xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 12/12/2022).

Bị đơn:
1. Lê Thị T, sinh năm 1960.
2. Nguyễn Đức C, sinh năm 1948.
Cùng địa chỉ: K, đường N, tổ 1, ấp C, xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

(chị C, chị T và bà T, ông C đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Dương Thị R là chị Trần Thị Kim C và Lê Thị Thu T trình bày:

Khoảng giữa năm 2016, vợ chồng ông C, bà T có đến nhà bà R vay tiền để lo cho gia đình và lo cho người con trai đang học ngành y tại Hà Nội, bà R đồng ý cho ông C, bà T vay tiền và đưa thành 03 đợt nhưng không nhớ rõ ngày tháng, không nhớ số tiền cụ thể đưa từng lần là bao nhiêu. Đến ngày 16/01/2017, bà R đã đưa cho bà T số tiền lần thứ ba và yêu cầu bà T làm tờ biên nhận của tổng cho 03 lần nhận tiền, với tổng số tiền vay là 250.000.000 đồng. Hai bên thoả thuận miệng với lãi suất là 2%/tháng và thời hạn trả tiền đến khi nào bà R cần thì sẽ thông báo cho ông C, bà T trước 03 tháng để vợ chồng ông C, bà T lo tiền trả cho bà R. Bà R đã nhiều lần đến gặp ông C, bà T để yêu cầu trả lãi nhưng ông C, bà T đều xin nợ lại phần tiền lãi đến khi nào bà R yêu cầu trả nợ gốc thì sẽ thanh toán phần lãi theo lãi suất thoả thuận. Khoảng tháng 01/2020, bà R đến nhà thông báo cho ông C, bà T trả tiền cho bà R phần nợ gốc và lãi. Tuy nhiên, ông C, bà T tránh né đến nay cũng không trả nợ cho bà R.

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, bà R yêu cầu ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị T liên đới trả số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi 74.700.000 đồng (tính từ ngày 01/02/2020 đến ngày 01/02/2023, lãi suất 0,83%/tháng). Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 324.700.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi đến khi trả xong tiền nợ.

Tại phiên tòa, bà R có chị Trần Thị Kim C và Lê Thị Thu T là đại diện theo ủy quyền, chỉ yêu cầu bà Lê Thị T trả số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi 76.928.000 đồng (tính từ ngày 01/02/2020 đến ngày 06/3/2023, lãi suất 0,83%/tháng). Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 326.928.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi đến khi trả xong tiền nợ. Bà R không yêu cầu ông C liên đới trả nợ. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận có ký tên biên nhận ngày 16/01/2017, biên nhận ghi ngày 16/01/2017 là do bà T viết và ký tên, trong số tiền 250.000.000 đồng thì thực tế bà T chỉ vay có 20.000.000 đồng, bà T vay dùm cho người tên H và bà T đã trả xong tiền gốc 20.000.000 đồng cho bà R xong, khi trả không làm biên nhận, còn nợ lại tiền lãi.

Khi bà T vay tiền của bà R, hai bên không thỏa thuận lãi suất, khi nào bà R cần thì sẽ thông báo cho bà T trước 03 tháng nhưng từ khi vay đến nay bà R chưa có thông báo cho bà T về việc yêu cầu trả nợ cho bà R.

Do đó bà T không đồng ý trả số tiền 250.000.000 đồng và tiền lãi 76.928.000 đồng theo yêu cầu của bà R, lý do bà T vay tiền dùm cho người tên H nhưng hiện người tên H ở đâu thì bà T không biết và bà T hiện hoàn cảnh khó khăn nên không khả năng trả nợ cho bà R. Ngoài ra bà T không yêu cầu gì.

- Bị đơn ông Nguyễn Đức C trình bày:

Ông C không quen biết bà R, vào khoảng tháng 01 năm 2020 lúc này bà T bị bệnh điều trị tại bệnh viện 108 ở thành phố Hà Nội, thì bà R có đến nhà gặp ông C và nói bà T có vay số tiền của bà R, số tiền bao nhiêu thì ông C không biết, ông C

không sử dụng tiền vay và cũng không liên quan đến việc vay tiền giữa bà R và bà T. Ngoài ra ông C không yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là Dương Thị R khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị T trả số tiền nợ vay nên xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị T có nơi cư trú tại tổ 1, ấp 3, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung:

Bà Dương Thị R chỉ yêu cầu bà Lê Thị T trả số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi 76.928.000 đồng (tính từ ngày 01/02/2020 đến ngày 06/3/2023, lãi suất 0,83%/tháng). Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 326.928.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi đến khi trả xong tiền nợ. Bà T không yêu cầu ông C liên đới cùng bà T trả nợ. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bà Lê Thị T không đồng ý trả số tiền 250.000.000 đồng và tiền lãi 76.928.000 đồng theo yêu cầu của bà R, lý do bà T vay tiền dùm cho người tên H nhưng hiện người tên H ở đâu thì bà T không biết, bà T đã trả xong tiền gốc 20.000.000 đồng cho bà R xong, khi trả không làm biên nhận, còn nợ lại tiền lãi và bà T hiện hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng trả nợ cho bà R.

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Bà Dương Thị R chỉ yêu cầu bà Lê Thị T trả số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng.

Xét thấy, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là biên nhận ngày 16/01/2017, thể hiện nội dung "Tôi: Lê Thị T có mượn của chị Dương Thị R số tiền là 250.000.000 đồng, ngày 16/01/2017, có chữ ký và ghi họ, tên Lê Thị T", bà T thừa nhận có ký tên biên nhận ngày 16/01/2017 vay số tiền là 250.000.000 đồng của bà R.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự, bà Dương Thị R yêu cầu bà Lê Thị T trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Bị đơn là Lê Thị T cho rằng khi vay tiền của bà R, mục đích bà T vay tiền dùm cho người tên H nhưng hiện người tên H ở đâu thì bà T không biết, bà T đã trả

xong tiền gốc 20.000.000 đồng cho bà R xong; bà R không thừa nhận và bà T không có chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất:

Bà Dương Thị R chỉ yêu cầu bà Lê Thị T trả số tiền lãi 76.928.000 đồng (tính từ ngày 01/02/2020 đến ngày 06/3/2023, lãi suất 0,83%/tháng và yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi đến khi trả xong tiền nợ.

Xét thấy, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là biên nhận ngày 16/01/2017 không thể hiện thỏa thuận lãi suất, không thể hiện thời hạn trả nợ. Bà Lê Thị T trình bày khi bà T vay tiền của bà R, hai bên không thỏa thuận lãi suất, khi nào bà R cần thì sẽ thông báo cho bà T trước 03 tháng nhưng từ khi vay đến nay bà R chưa có thông báo cho bà T yêu cầu trả nợ và nguyên đơn là Dương Thị Tiếp không có chứng cứ chứng minh việc có thỏa thuận lãi suất và chứng cứ chứng minh có thông báo cho bà T về việc yêu cầu bà T trả nợ. Do đó thời hạn vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ của bà T tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án ngày 22/12/2022 và bà T không có chứng cứ chứng minh đã trả nợ cho bà R nên bà T phải trả tiền lãi cho bà R kể từ ngày 22/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/3/2023 là 02 tháng 12 ngày, với lãi suất là 0,83%/tháng, với số tiền là 4.978.000 đồng (250.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 02 tháng 12 ngày).

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự, bà Dương Thị R yêu cầu bà Lê Thị T trả số tiền lãi 76.928.000 đồng (tính từ ngày 01/02/2020 đến ngày 06/3/2023, lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần yêu cầu của bà Dương Thị R. Buộc bà Lê Thị T phải trả tiền lãi là 4.978.000 đồng cho bà Dương Thị R.

[2.3] Tại phiên tòa, bà R có chị Trần Thị Kim C và Lê Thị Thu T là đại diện theo ủy quyền, chỉ yêu cầu bà Lê Thị T trả số tiền vay tổng cộng gốc và lãi là 326.928.000 đồng. Bà R rút một phần yêu cầu, không yêu cầu ông C liên đới trả nợ là tự nguyên nên chấp nhận.

Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu của bà Dương Thị R về việc yêu cầu ông Nguyễn Đức C liên đới trả nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị R, bà Lê Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí theo quy định Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ Luật dân sự và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Dương Thị R.

Buộc bà Lê Thị T phải trả cho bà Dương Thị R số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi suất là 4.978.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 254.978.000 đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Dương Thị R về việc yêu cầu ông Nguyễn Đức C liên đới trả nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị R, bà Lê Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Phạm Thanh Hiền